

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường tỉnh Lạng Sơn

(Từ ngày 02/4/2020 đến ngày 08/4/2020)

Thực hiện Công văn số 9730/BCT-TTTN ngày 18/12/2019 về việc bình ổn mặt hàng thịt lợn; Công văn số 692/BCT-TTTN ngày 07/02/2020 của Bộ Công Thương về việc bình ổn thị trường mặt hàng thịt lợn và báo cáo tình hình thị trường, giá cả hàng hóa trước tình hình dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona (nCov) gây ra và Công văn số 2373/BCT-TTTN ngày 01/4/2020 của Bộ Công Thương về việc báo cáo tình hình thị trường, giá cả hàng hóa thiết yếu trước tình hình dịch Covid-19; Thông báo số 727/TB-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh về Kết luận của đồng chí Nguyễn Công Trường, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp triển khai công tác bình ổn thị trường, giá cả Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020.

Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn báo cáo về giá cả thị trường các mặt hàng thiết yếu, y tế phòng dịch trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Tình hình thị trường

Trong tuần (từ ngày 02/4/2020 đến ngày 08/4/2020), giá cả các loại hàng hóa trên thị trường cơ bản ổn định, hoạt động mua bán hàng hóa diễn ra bình thường. Đến nay, do trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn chưa có trường hợp lây nhiễm dịch bệnh virus Corona và việc làm tốt công tác tuyên truyền của các cơ quan chức năng cho nhân dân trên địa bàn về nhu cầu tiêu dùng hợp lý, khả năng đáp ứng bình thường đối với các mặt hàng thiết yếu của các doanh nghiệp cung ứng đầu mối và hàng hóa là lương thực, thực phẩm, rau quả được tổ chức sản xuất tại địa phương. Do đó giá cả tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tương đối ổn định, không có tình trạng khan hiếm hàng hóa và tăng giá đột biến trên thị trường.

Giá cả của một số mặt hàng vào thời điểm khảo sát thực tế tại chợ Giếng Vuông và chợ Bờ Sông cụ thể như sau: Giá gà sống thiếu mức 170.000 - 180.000 đ/kg, giá các loại rau màu giảm một chút so với tuần trước, giá thịt lợn các loại ổn định, hiện ở mức 130.000 – 140.000 đ/kg, giá vịt làng khoảng 60.000 đ/kg, cá rô phi 45.000 đ/kg, cá chép 60.000 đ/kg, cá quả 120.000 đ/kg, cá trắm (đen) 90.000 đ/kg, bí xanh 15.000 - 20.000 đ/kg, khoai tây 15.000 - 20.000 đ/kg, dưa chuột

15.000 đ/kg, ngô ngọt 7.000 đ/bắp, cà rốt 15.000 đ/kg, xu hào: 20.000 - 25.000đ/kg, cải bắp: 12.000 - 15.000đ/kg,...

2. Tình hình mặt hàng thịt lợn

Đối với mặt hàng thịt lợn và các sản phẩm chế biến từ thịt lợn giá cả ổn định so với tuần trước. Nguồn hàng tại địa phương hiện nay còn ít chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng trên thị trường nên phải nhập từ các địa phương khác.

3. Tình hình các mặt hàng thiết bị y tế phòng dịch (khẩu trang, các loại nước rửa tay sát trùng,...)

Trong thời gian vừa qua, tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, nhu cầu về trang thiết bị y tế phòng dịch trên thị trường tăng cao. Với việc các cơ quan chức năng vào cuộc kiểm tra, tuyên truyền và vận động các cửa hàng thuốc ký cam kết chấp hành quy định của pháp luật, không găm hàng, không tăng giá quá mức thì cho đến nay các cơ sở kinh doanh đã chấp hành nghiêm yết giá theo quy định. Qua nắm bắt hiện nay giá khẩu trang bán sỉ tại các cơ sở sản xuất rất cao, số lượng hạn chế khiến nguồn hàng cung cấp trên thị trường không đáp ứng kịp dẫn đến hiện tượng khan hiếm hàng hóa, nhất là mặt hàng khẩu trang y tế và nước rửa tay khô khử trùng.

4. Dự báo diễn biến tình hình giá cả tuần tiếp theo

Nhận định tình hình giá cả thị trường sẽ ổn định do bà con đã trở lại kinh doanh bình thường. Riêng giá cả và các mặt hàng trang thiết bị y tế phòng dịch vẫn tiếp tục khan hiếm do dịch bệnh ngày càng gia tăng.

Trên đây là báo cáo Tuần về tình hình giá cả thị trường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn báo cáo và gửi Bộ Công Thương, UBND tỉnh biết./.

Nơi nhận:

- Vụ TTTN - Bộ Công Thương (B/c);
- UBND tỉnh (B/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng KHTC-TH, VP Sở;
- TTKC&XTTM,
- Lưu: VT, QLTM.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quốc Hải

GIÁ BÁN LẺ MỘT SỐ MẶT HÀNG THIẾT YẾU

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SCT ngày /4/2020
của Sở Công Thương Lạng Sơn)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mặt hàng	ĐVT	Giá		Mức tăng (giảm)	Ghi chú
			Giá tuần trước (từ 25/3 đến 01/4/2020)	Giá tuần này (từ 02/4 đến 08/4/2020)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5-4)	(7)
I	Thịt các loại					
1	Thịt lợn					
	- Thịt lợn hơi	đ/kg	85.000	82.000- 84.000	- 3.000 - 1.000	
	- Thịt lợn vai	đ/kg	130.000	130.000	-	
	- Thịt mỡ sấn	đ/kg	130.000	130.000	-	
	- Thịt ba chỉ	đ/kg	150.000	150.000	-	
	- Thịt chân giò	đ/kg	120.000	110.000- 120.000	-10.000	
	- Thịt nạc	đ/kg	150.000	150.000	-	
	- Sườn		140.000 145.000	140.000 145.000	-	
2	Thịt bò đùi	đ/kg				
	Thịt bò (loại 1)	đ/kg	300.000	300.000	-	
	Thịt bò (loại 2)	đ/kg	290.000	290.000	-	
3	Thịt Gà					

	- Gà trống thiên	đ/kg	180.000	180.000	-	
	- Gà giò	đ/kg	140.000	140.000	-	
	- Gà công nghiệp	đ/kg	70.000	70.000	-	
	- Gà mái tơ	đ/kg	140.000	140.000	-	
4	Thịt vịt	đ/kg	60.000	60.000	-	
II	Trứng các loại					
1	Trứng gà công nghiệp	đ/quả	3.500	3.500	-	
2	Trứng gà ta	đ/quả	5.000	5.000	-	
3	Trứng vịt	đ/quả	4.000	4.000	-	
III	Rau, củ, quả các loại					
1	Cải bắp	đ/kg	20.000	12.000- 15.000	-3.000 -5.000	
2	Đỗ cô ve, đỗ Hà Lan	đ/kg	25.000	25.000	-	
3	Bí xanh	đ/kg	25.000- 30.000	15.000- 20.000	-10.000	
4	Xu hào	đ/kg	25.000- 30.000	20.000- 25.000	-5.000	
5	Bí đỏ	đ/kg	20.000	12.000- 15.000	-8.000 -5.000	
6	Cà rốt	đ/kg	15.000	15.000	-	
7	Khoai tây	đ/kg	30.000- 40.000	15.000- 20.000	-15.000 -20.000	
8	Cà chua	đ/kg	30.000	30.000	-	
9	Chuối tiêu chín	đ/quả	1.000	1.000	-	
	Chuối tiêu xanh	đ/quả	3.000	3.000	-	

10	Bưởi Diễn	đ/quả	25.000	25.000	-
	Bưởi da xanh	đ/quả	70.000	70.000	-
11	Cam sành	đ/kg	20.000	20.000	-
	Cam canh	đ/kg	35.000	35.000	-
IV	Các loại thực phẩm khô				-
1	Mộc nhĩ	đ/kg	120.000- 150.000	120.000- 150.000	-
2	Măng khô	đ/kg	150.000- 200.000	150.000- 200.000	-
3	Nấm hương	đ/kg	250.000 - 300.000	250.000 - 300.000	-
4	Tỏi khô	đ/kg	40.000	40.000	-
5	Hành khô	đ/kg	25.000	25.000	-
6	Miến	đ/kg	70.000	70.000	-
V	Lương thực				-
1	Gạo tẻ thường	đ/kg	14.000	14.000	-
2	Gạo bao thai làng	đ/kg	17.000	17.000	-
3	Gạo nếp	đ/kg	25.000	25.000	-
4	Gạo bao thai mới Thất Khê	đ/kg	19.000	19.000	-
5	Gạo nếp mới Thất Khê	đ/kg	29.000	29.000	-
6	Gạo C dẻo mới	đ/kg	15.000	15.000	-
VI	Các mặt hàng khác				-
1	Mỳ tôm	đ/gói	2.500-3500	2.500-3500	-

2	Muối	đ/kg	3.000	3.000	-	
3	Dầu ăn	đ/lít	22.000	22.000	-	
4	Dầu Neptune	đ/lít	41.500	41.500	-	
	Dầu đậu nành Tường An	đ/lít	38.500	38.500		
	Dầu Cái Lân	đ/lít	29.500	29.500	-	
	Dầu Simply Hạt cải	đ/lít	39.000	39.000	-	
5	Nước (đóng chai)	đ/lít	4000-5000	4000-5000	-	
6	Giấy vệ sinh	đ/cuộn	5000-6000	5000-6000	-	

